

Bản án số: 13/2020/DS-PT
Ngày: 26 - 02 - 2020
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thanh
- *Các Thẩm phán:* Ông Bùi Hữu Nhân
Ông Đỗ Mạnh Hùng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Nghi - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:***
Bà Đỗ Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2020/TLPT-DS ngày 10 tháng 01 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2019/DS-ST ngày 01/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 15/2020/QĐ-PT ngày 05/02/2020, giữa các đương sự:

- *N đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm: 1972; cư trú tại: 92/17 (số mới 114) Phan Chi Trinh, phường Lộc T, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Hồng L: Luật sư Nguyễn Viết G – Văn phòng luật sư A – Thuộc Đoàn Luật sư Tp. Hồ Chí Minh. Địa chỉ trụ sở: 181/3 Cách Mạng Tháng Tám, phường 5, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Cao Thị N, sinh năm: 1967; cư trú tại: 346 Lý Thường Kiệt, Phường P, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Văn phòng công chứng Đ (nay là Văn phòng công chứng S); địa chỉ trụ sở: 91/23 Hà Giang, Phường 1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật của Văn phòng: Ông Đỗ Hữu S; chức vụ: Trưởng Văn phòng công chứng Đ (nay là Văn phòng công chứng S); cư trú tại: 91/23 Hà Giang, Phường 1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

2. Chị Cao Lê Thủy T, sinh năm: 1994; cư trú tại: 92/17 (số mới 114) Phan Chu Trinh, phường Lộc T, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Cao Lê Thủy T: Luật sư Nguyễn Viết G – Văn phòng luật sư A – Thuộc Đoàn Luật sư Tp. Hồ Chí Minh. Địa chỉ trụ sở: 181/3 Cách Mạng Tháng Tám, phường 5, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Bà Cao Thị T, sinh năm: 1973; cư trú tại: Thôn 7, xã Lộc A, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

4. Bà Cao Thị H, sinh năm: 1974; cư trú tại: số cũ 376 (số mới 678) Nguyễn Văn Cừ, Phường P, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

5. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm: 1965; cư trú tại: 346 Lý Thường Kiệt, Phường P, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

(Ông Đỗ Hữu S có đơn xin xét xử vắng mặt. Các đương sự còn lại có mặt tại phiên tòa).

- *Người kháng cáo:*

Bà Nguyễn Thị Hồng L – N đơn;

Chị Cao Lê Thủy T – Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm,

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, N đơn bà Nguyễn Thị Hồng L trình bày:

Bà và ông Cao Đình D kết hôn với nhau vào năm 1992. Sau khi kết hôn vợ chồng bà có tạo lập được khối tài sản chung là một căn nhà cấp bốn tọa lạc trên diện tích đất 3.221m² tại các thửa đất số 365 và 367 tờ bản đồ số D.87.IV tại khu 9, Phường P, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng bà có hai con chung là Cao Lê Thủy T, sinh ngày 06/11/1994 và Cao Nguyễn Hà Vi, sinh ngày 12/12/2000.

Năm 2010, ông D chết, bà Cao Thị N là chị ruột của ông D đuổi mẹ con bà, đồng thời chiếm luôn nhà và đất của vợ chồng bà.

Trước khi chết, ông D có lập bản di chúc ngày 21/02/2012 tại khoa cấp cứu Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch, Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung: Sau khi ông D chết thì nhà và đất nêu trên sẽ để lại cho bà Cao Thị N và tách ra một phần đất có chiều ngang 10m cho con gái là cháu Cao Thị Thủy Tiên.

Nay bà L xác định nhà và đất nói trên là tài sản chung của vợ chồng bà nên yêu cầu Tòa án buộc bà N có trách nhiệm giao trả lại toàn bộ tài sản là nhà và đất nêu trên cho bà.

Bị đơn bà Cao Thị N trình bày:

Bà là chị ruột của ông Cao Đình D, nguồn gốc nhà và đất đang tranh chấp là do bố mẹ của ông D để lại cho các anh chị em của bà. Sau khi bố mẹ của bà chết thì các anh chị em của bà đã thống nhất để lại cho ông D đại diện đi đăng ký kê khai và ông D ước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Khi ông D bị bệnh có viết di chúc để lại cho bà N đại diện nhận phần của các anh chị em, còn phần của ông D thì ông D cho con gái là cháu Cao Lệ Thủy T là 10m ngang mặt đường. Nay bà L khởi kiện thì bà chỉ đồng ý giao 10m ngang mặt đường nêu trên cho cháu Tiên. Bà N xác định bà L và ông D không sống chung với nhau từ năm 2001.

Toàn bộ cây trồng trên diện tích đất tranh chấp là do bà và ông Phú trồng và chăm sóc kể từ khi ông D chết, bà yêu cầu xem xét công sức đóng góp của bà đối với cây trồng trên đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng Đ (nay là Văn phòng công chứng S) do ông Đỗ Hữu S đại diện theo pháp luật trình bày:

Theo yêu cầu của ông Cao Đình D, ngày 22/02/2012 ông Sâm có đến khoa cấp cứu Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch, Thành phố Hồ Chí Minh để chứng nhận di chúc do ông Cao Đình D lập. Khi tiếp xúc với ông D thì ông D vẫn tỉnh táo, còn nói chuyện được. Ông D bức xúc vì người vợ không có trách nhiệm khi ông bệnh tật, ông phải nhờ chị gái là bà N lo thuốc thang, chữa trị. Nguyên vọng của ông D khi ông D hết là tài sản của ông D được định đoạt theo di chúc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Cao Lệ Thủy T trình bày:

Chị T cho rằng nội dung của di chúc ghi tên Cao Thị Thủy T là không đúng với tên của chị. Do đó, di chúc ông D lập là không hợp pháp nên chị T từ chối nhận tài sản theo di chúc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn P trình bày:

Trong thời gian vợ chồng ông quản lý tài sản do ông D để lại thì vợ chồng ông có công sức đóng góp đối với tài sản thừa kế là trồng lại toàn bộ cây cả phê trên đất của ông D. Ông P yêu cầu được tính công sức đóng góp đối với tài sản là cây trồng trên đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị H, bà Cao Thị T trình bày:

Các bà không có ý kiến gì về việc ông D lập di chúc giao tài sản cho bà N.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không được do bà L có đơn yêu cầu không hòa giải.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2019/DS-ST ngày 01/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng L. Xác định một căn nhà cấp 4 (đã hư hỏng không còn giá trị) tọa lạc trên diện tích đất

3.221m² tại các thửa đất số 365 và 367 tờ bản đồ số D.87.IV theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA793769 do Ủy ban nhân dân thị xã Bảo Lộc (nay là thành phố B) cấp ngày 10/3/2010, tại khu 9, Phường P, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng và tài sản trên đất là tài sản chung của ông Cao Đình D và bà Nguyễn Thị Hồng L.

Xác định bản di chúc lập ngày 23/02/2012 của ông Cao Đình D có hiệu lực một phần.

Giao một căn nhà cấp 4 (đã hư hỏng không còn giá trị) tọa lạc trên diện tích đất 3.221m² tại các thửa đất số 365 và 367 tờ bản đồ số D.87.IV theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA793769 do Ủy ban nhân dân thị xã Bảo Lộc (nay là thành phố B) cấp ngày 10/3/2010, tại khu 9, Phường P, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng và tài sản trên đất cho bà Nguyễn Thị Hồng L quản lý, sử dụng.

Bà Nguyễn Thị Hồng L có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Cao Thị N 1/2 giá trị tài sản là 2.415.750.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Hồng L có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn P, bà Cao Thị N chi phí đầu tư cây trồng trên đất là 54.013.200 đồng.

Bà Nguyễn Thị Hồng L có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra quyết định của bản án còn tuyên về án phí, về chi phí tố tụng và quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 11/11/2019 và ngày 13/11/2019, N đơn bà Nguyễn Thị Hồng L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Cao Lệ Thủy T cùng kháng cáo đối với toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2019/DS-ST ngày 01/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B. Yêu cầu xét xử lại vụ án theo hướng buộc bà N phải trả lại toàn bộ nhà, đất đang tranh chấp, tuyên bản di chúc do Văn phòng công chứng Đ công chứng là vô hiệu, chia di sản thừa kế theo pháp luật cho hàng thừa kế của ông D, buộc bà N trả lại N hiện trạng tài sản như ban đầu và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, N đơn bà Nguyễn Thị Hồng L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Cao Lệ Thủy T vẫn giữ N yêu cầu kháng cáo và đề nghị chấp nhận kháng cáo. Về phía bị đơn bà Cao Thị N không kháng cáo và không đồng ý đối với kháng cáo của bà Lan, chị Tiên, đề nghị giải quyết như bản án sơ thẩm. Về phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng S, bà Cao Thị T, bà Cao Thị H, ông Nguyễn Văn P đều không kháng cáo và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, cụ thể Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định

của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa dân sự phúc thẩm; Do bản án sơ thẩm vi phạm tố tụng và chưa xác minh, thu thập đầy đủ chứng cứ Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được những thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2019/DS-ST ngày 01/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*” giữa N đơn bà Nguyễn Thị Hồng L; bị đơn bà Cao Thị N. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo pháp luật của Văn phòng công chứng Đ (nay là Văn phòng công chứng S) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Xuất phát từ việc N đơn bà L cho rằng căn nhà cấp 4 tọa lạc trên diện tích đất 3.221m² tại các thửa đất số 365 và 367 tờ bản đồ số D.87.IV, tại khu 9, Phường P, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng hiện đang tranh chấp là tài sản chung của vợ chồng bà, nay ông D đã chết nên yêu cầu bà N phải giao trả lại toàn bộ tài sản nhà và đất cho bà. Còn bị đơn bà N cho rằng nhà và đất mà bà L đang tranh chấp với bà có nguồn gốc là của bố mẹ bà để lại cho các anh chị em, các anh chị em thống nhất để ông D đứng tên đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trước khi ông D chết thì ông D có lập di chúc, nay ông D đã chết nên bà chỉ đồng ý thực hiện theo di chúc mà ông D để lại, không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của N đơn. Vì vậy, hai bên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của N đơn bà Nguyễn Thị Hồng L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Cao Lệ Thủy T:

[3] Theo giấy chứng nhận kết hôn thì ông Cao Đình D và bà Nguyễn Thị Hồng L có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Châu, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 17/12/1992 (bút lục số 54).

[4] Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA793769 thì Ủy ban nhân dân thị xã Bảo Lộc (nay là thành phố B) cấp cho hộ ông Cao Đình D diện tích đất 3.221m² thuộc thửa đất số 365 và 367 tờ bản đồ số D.87.IV tọa lạc tại khu 9, Phường P, thị xã Bảo Lộc (nay là thành phố B), tỉnh Lâm Đồng vào ngày 10/3/2010 (bút lục số 85). Đây là tài sản mà hiện nay các bên đang tranh chấp.

Theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì: “*Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh và những thu nhập hợp pháp khác của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân; tài sản mà vợ chồng được thừa kế chung hoặc được tặng cho chung và những tài sản khác mà vợ chồng thỏa thuận là tài sản chung.*”

Quyền sử dụng đất mà vợ chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng. Quyền sử dụng đất mà vợ hoặc chồng có được trước khi kết hôn, được thừa kế riêng chỉ là tài sản chung khi vợ chồng có thỏa thuận.

Tài sản chung của vợ chồng thuộc sở hữu chung hợp nhất”.

Như vậy, có căn cứ xác định tài sản đang tranh chấp nêu trên được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân giữa ông D và bà Lan.

[5] Theo di chúc ngày 21/02/2012 của ông Cao Đình D lập tại khoa cấp cứu Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch, Thành phố Hồ Chí Minh được Văn phòng công chứng Đ (nay là Văn phòng công chứng S) thực hiện việc công chứng vào ngày 23/02/2012 theo số công chứng 739 quyền số 22 TP/CC-SCC/HĐGD thể hiện nội dung: Sau khi ông D qua đời thì ông D sẽ để lại cho bà Cao Thị N là chị ruột của ông D tài sản là diện tích đất 3.221m² thuộc thửa đất số 365 và 367 tờ bản đồ số D.87.IV tọa lạc tại khu 9, Phường P, thị xã Bảo Lộc (nay là thành phố B), tỉnh Lâm Đồng mà ông đã được Ủy ban nhân dân thị xã Bảo Lộc (nay là thành phố B) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA793769 vào ngày 10/3/2010. Tách một phần thửa đất với diện tích ngang mặt tiền là 10m, chiều dài chạy thẳng đến hết đất và đem phần tách thửa này cho con gái là cháu Cao Thị Thủy T. Bà N có nghĩa vụ chịu chi phí thuốc thang, chữa bệnh, ma chay, xây mộ chí, xin lễ cho ông D (bút lục số 82-84).

Theo quy định tại khoản 1 Điều 630 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì di chúc hợp pháp phải có đủ các điều kiện sau đây:

“a) Người lập di chúc minh mẫn, sáng suốt trong khi lập di chúc; không bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép;

b) Nội dung của di chúc không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; hình thức di chúc không trái quy định của luật”.

[6] Theo Kết luận giám định số 1605/GĐ-PC09 ngày 19/10/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Lâm Đồng (bút lục số 178) và Kết luận giám định số 1007/C09B ngày 04/3/2019 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh (bút lục số 184) đều xác định chữ ký dạng viết trong di chúc của ông D là chữ ký của ông D.

Ngoài ra, theo Tóm tắt bệnh án đối với ông Cao Đình D của Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch, Thành phố Hồ Chí Minh (bút lục số 150) thì ông D xuất viện vào ngày 16/3/2012, tình trạng của ông D khi ra viện là “*tỉnh, tiếp xúc tốt, hết sốt, hết khó thở*”. Từ ngày 21/02/2012 là ngày ông D lập di chúc đến ngày 09/01/2013 là ngày ông D chết, trong khoảng thời gian trên thì ông D không có bất cứ một văn bản nào thay thế di chúc mà ông D đã lập ngày 21/02/2012.

Do đó, có căn cứ xác định di chúc mà ông D lập là di chúc hợp pháp, thể hiện đúng ý chí, nguyện vọng của ông D.

Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 609 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì “*Cá nhân có quyền lập di chúc để định đoạt tài sản của mình; để lại tài sản của mình*

cho người thừa kế theo pháp luật; hưởng di sản theo di chúc hoặc theo pháp luật”.

Như vậy, ông D là một trong những đồng sở hữu của các thửa đất được cấp cho hộ ông D, do đó ông D chỉ có quyền sở hữu đối với một phần quyền sử dụng đất đó. Ông D có quyền để lại di chúc để định đoạt phần quyền sở hữu của mình cho người khác. Tuy nhiên, chỉ được định đoạt phần quyền sở hữu của ông D trong khối tài sản chung chứ không phải toàn bộ diện tích đất nói trên. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên di chúc có hiệu lực một phần là đúng quy định của pháp luật. (có hiệu lực đối với phần định đoạt tài sản của ông D).

Trong di chúc của ông D có thể hiện nội dung “Tách một phần thửa đất với diện tích ngang mặt tiền là 10m, chiều dài chạy thẳng đến hết đất và đem phần tách thửa này cho con gái là cháu Cao Thị Thủy T”. Theo bản tự khai của chị Cao Lệ Thủy T vào ngày 01/12/2017 (bút lục số 107) thể hiện nội dung: Chị T cho rằng trong di chúc có tên Cao Thị Thủy T nhưng tên đúng của chị T là Cao Lệ Thủy T, do di chúc không đúng tên nên chị T không nhận tài sản theo di chúc và chị T cho rằng di chúc không hợp lệ nên yêu cầu Tòa án hủy di chúc.

Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ nội dung yêu cầu của chị T nhưng lại nhận định chị T từ chối nhận di sản thừa kế là không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của chị Tiên. Trường hợp chị T yêu cầu hủy di chúc thì lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm cần tiến hành lấy lời khai cụ thể đối với chị T liên quan đến việc hủy, việc yêu cầu hủy di chúc thì chị T phải có đơn khởi kiện và nộp tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Ngoài ra, vợ chồng ông D, bà L có 02 người con chung là cháu Cao Lệ Thủy T và cháu Cao Nguyễn Hà Vi, sinh ngày 12/12/2000 (bút lục số 07-08). Đối với vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản để đảm bảo giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật cần đưa các hàng thừa kế thứ nhất của ông D vào tham gia tố tụng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa cháu Cao Nguyễn Hà Vi vào tham gia tố tụng là không đúng quy định của pháp luật. Hơn nữa, theo quy định tại Điều 669 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì “Những người sau đây vẫn được hưởng phần di sản bằng hai phần ba suất của một người thừa kế theo pháp luật nếu di sản được chia theo pháp luật, trong trường hợp họ không được người lập di chúc cho hưởng di sản hoặc chỉ cho hưởng phần di sản ít hơn hai phần ba suất đó:

a) Con chưa thành niên, cha, mẹ, vợ, chồng...”.

[8] Bên cạnh đó, theo quy định tại khoản 29 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013 qui định: *“Hộ gia đình sử dụng đất là những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, đang sống chung và có quyền sử dụng đất chung tại thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất; nhận chuyển quyền sử dụng đất”*. Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa xác minh làm rõ, tại thời điểm hộ ông D được cấp quyền sử dụng đất thì hộ ông D gồm những ai để đưa họ vào tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

[9] Việc Tòa án cấp sơ thẩm, buộc người nhận di sản phải thanh toán giá trị cây trồng trên đất cho bà N, ông P là có căn cứ vì chính bà N, ông P là người đầu tư trên đất. Lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải yêu cầu ông N, bà Phú làm đơn khởi kiện yêu cầu được thanh toán phần giá trị cây trồng trên đất và ban hành thông báo nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu này. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào Đơn đề nghị tham gia tố tụng của ông Phú để ban hành Thông báo về việc thụ lý bổ sung số 29A/TB-TA ngày 16/9/2019 là chưa đúng theo quy định của pháp luật. (bút lục 190, 192). Hơn nữa, theo Án lệ số 05/2016/AL ngày 06/4/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì mặc dù ông P, bà N không yêu cầu xem xét công sức trong việc quản lý, bảo quản di sản thì khi giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm cần phải xem xét công sức cho ông P, bà N để giải quyết triệt để vụ án và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người quản lý di sản.

Từ những phân tích nêu trên. Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được những thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm. Do vậy, cần hủy bản án dân sự sơ thẩm, chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung là có căn cứ. Do hủy bản án sơ thẩm do vi phạm tố tụng và chưa xác minh, thu thập đầy đủ chứng cứ nên không xem xét đối với kháng cáo của N đơn bà L và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Tiên.

[10] Theo nội dung đơn kháng cáo của bà L ngày 11/11/2019 ngoài yêu cầu bà N trả lại N hiện trạng tài sản như ban đầu bà L còn yêu cầu bồi thường thiệt hại. Khi giao hồ sơ về giải quyết lại cấp sơ thẩm cần làm rõ yêu cầu của bà L trong quá trình giải quyết vụ án.

[11] Về án phí (sơ thẩm, phúc thẩm): Do hủy bản án sơ thẩm nên bà L, chị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

[12] Về chi phí tố tụng khác: Số tiền tạm ứng chi phí giám định, định giá tài sản, xem xét, thẩm định tại chỗ mà các đương sự đã tạm nộp sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2019/DS-ST ngày 01/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*” giữa N đơn bà Nguyễn Thị Hồng L; bị đơn bà Cao Thị N.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Hồng L, chị Cao Lệ Thủy T mỗi người 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà L và chị T đã nộp theo các biên lai thu số 0016423 ngày 20/11/2019 và 0016419 ngày 15/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí tố tụng khác: Sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV&THA;
- TAND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Các đương sự (8);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thanh

NỘI DUNG ÁN LỆ

“Cụ Hưng chết năm 1978, theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 1959 thì ông Trãi được hưởng 1/7 kỷ phần thừa kế của cụ Hưng. Phần tài sản ông Trãi được hưởng của cụ Hưng là tài sản chung của vợ chồng ông Trãi, bà Tư. Bà Tư chết năm 1980, các thừa kế của bà Tư gồm ông Trãi và 03 người con của ông Trãi, bà Tư trong đó có chị Phụng.

Tuy chị Phụng không phải thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Hưng, cụ Ngự, nhưng là cháu nội của hai cụ và có nhiều công sức quản lý, đã chi tiền sửa chữa nhà nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, chị Phụng không yêu cầu xem xét công sức vì chị Phụng cho rằng vụ án đã hết thời hiệu chia thừa kế, không đồng ý trả nhà đất cho các thừa kế. Như vậy, yêu cầu của chị Phụng đề nghị xác định quyền lợi là lớn hơn yêu cầu xem xét về công sức, nhưng

Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm chưa xem xét công sức cho chị Phượng là giải quyết chưa triệt để yêu cầu của đương sự.”

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Hữu Nhân – Đỗ Mạnh Hùng

Nguyễn Văn Thanh

